

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-10-2019

*V/v: Tuyên bố không công nhận quan hệ
vợ chồng.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phiêu
2. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc: “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1981

- Bị đơn: anh Bùi Đức Th, sinh năm 1981

Cùng trú tại: Thôn 9, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại bản tự khai và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Bùi Đức Th kết hôn với nhau năm 1999, có đăng ký tại UBND xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Có tổ chức lễ cưới theo

phong tục địa phương. Tuy nhiên hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất và tại UBND xã Ph cũng không còn sổ lưu về việc đăng ký kết hôn giữa chị và anh Th. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại Thôn 9, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình và hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th rượu chè, vợ chồng không thống nhất được cách làm ăn, và nguyên nhân chính là do không hợp nhau về mọi mặt. Năm 2013 chị đi làm thuê trong Nam thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng chị chính thức ly thân từ năm 2013 cho đến nay không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại nên chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Bùi Văn Th.

Về con chung: Chị M xác định chị và anh Th có 01 con chung là cháu Bùi Văn Th sinh ngày 02/8/2000. Hiện cháu Thành đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ chung:*Chị xin tự thỏa Th với anh Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Bùi Đức Th: Được thể hiện trong bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như chị M trình bày là đúng. Theo anh mâu thuẫn vợ chồng là do không hòa hợp. Anh xác nhận hiện nay giấy đăng ký kết hôn của anh và chị M đã làm mất. Theo anh vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm khi về chung sống vợ chồng luôn xảy ra xung đột cãi chửi nhau, do không hợp nhau về mọi mặt. Vì vậy anh chị đã ly thân gần 7 năm nay. Nay anh cũng đồng ý với quan điểm của chị M, anh xác định không còn tình cảm với chị M.

Về con chung: Anh xác định anh và chị M có 01 con chung là cháu Bùi Văn Th sinh ngày 02/8/2000. Hiện cháu đã trưởng thành tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh và chị M tự thỏa Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của UBND xã Ph thể hiện tại biên bản xác minh ngày 04/9/2019 với Tòa án nhân dân huyện N như sau: UBND xã Ph xác nhận chị M và anh Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, có thực hiện việc cưới hỏi theo phong tục địa phương. Về việc thực hiện đăng ký kết hôn thì hiện nay tại UBND không còn hồ sơ lưu trữ cũng như không có tài liệu nào thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa chị M và anh Th. Mâu thuẫn giữa chị M và anh Th là

có thật. Vì vậy quan điểm của ủy ban đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết các vấn đề có liên quan trong vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt.

Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị M và anh Bùi Đức Th.

2. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn 9, xã Ph, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Bùi Đức Th xây dựng gia đình với nhau năm 1999, anh chị khai có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã mất, anh chị cũng không chứng minh được việc đã đăng ký kết hôn với nhau. Xác nhận của UBND xã Ph cũng khẳng định không có hồ sơ chứng minh chị M và anh Th đã đăng ký kết hôn tại ủy ban. Việc chị M và anh Th sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị M yêu cầu Tuyên bố không công nhận vợ chồng với anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Văn Th, sinh ngày 02/8/2000. Hiện cháu Th đã trưởng thành, có thể tự lập được cuộc sống, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị M.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị M và anh Bùi Đức Th.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị M phải nộp là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000264 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyền kháng cáo: Chị M và anh Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Ph;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh